TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Minh T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn A**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Trần Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trương Văn A vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2021, bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Trương Văn A bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây, huyện

Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/7/2006. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra. Đến tháng 12/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông A không lo làm ăn, chỉ ham mê cờ bạc, đá gà, đánh đề, gây nợ nần, không phụ giúp công việc gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn A.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Trương Ngọc Minh V, sinh ngày 07/8/2007 và trẻ Trương Kim Nhã T, sinh ngày 08/10/2009. Hiện các con do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Vy và trẻ Thi; bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trương Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Minh T với ông Trương Văn A; giao 02 con chung cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Minh T khởi kiện xin ly hôn với ông Trương Văn A, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trương Văn A có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông A theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T và ông Trương Văn A có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2006. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì

quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Minh T và ông Trương Văn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông Trương Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên ông A phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào đơn xin ly hôn, bản tự khai của bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Minh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Minh T xác nhận thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra. Đến tháng 12/2018 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông A không lo làm ăn, chỉ ham mê cờ bạc, đá gà, đánh đề, gây nợ nần, không phụ giúp công việc gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn A.

[6] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

[7] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[8] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại Công văn số 1489/UBND ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung như sau: *"Trong quá trình chung sống tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã không tiếp nhận được đơn yêu cầu hòa giải nên không biết được những thông tin trên giữa bà Trần Thị Minh T và ông Trương Văn A".*

[9] Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù tại địa phương chưa hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân cho bà T và ông A nhưng bà T xác nhận trong thời gian chung sống với ông A có mâu thuẫn xảy ra, hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự các phiên hòa giải và các phiên tòa nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông A không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ những cơ sở trên cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa bà T và ông A đã không còn, hai bên không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn do vậy việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa gì nữa. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông A là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về con chung: Bà T xác nhận trong quá trình chung sống, bà và ông A có 02 con chung là trẻ Trương Ngọc Minh V, sinh ngày 07/8/2007 và trẻ Trương Kim Nhã T, sinh ngày 08/10/2009. Hiện các con do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ V và trẻ T; bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

[11] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

[12] Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Trương Ngọc Minh V và trẻ Trương Ngọc Nhã T đều thể hiện nguyện vọng sống cùng mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Trương Ngọc Minh V và trẻ Trương Ngọc Nhã T hiện nay do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho nên ông đã tự từ bỏ các quyền về nuôi dưỡng con chung, quyền chứng minh điều kiện, khả năng chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của nguyên đơn, nếu sau này các đương sự có tranh chấp về con chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ giao Trương Ngọc Minh V và trẻ Trương Ngọc Nhã T cho bà Trần Thị Minh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo không thay đổi môi trường sống, học tập cho các trẻ.

[13] Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con; nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh T về việc yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Minh T được ly hôn với ông Trương Văn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/2006, đăng ký ngày 12/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Minh T và ông Trương Văn A có 02 (hai) con chung là trẻ Trương Ngọc Minh V, sinh ngày 07/8/2007 và trẻ Trương Kim Nhã T, sinh ngày 08/10/2009.

Giao trẻ Trương Ngọc Minh V và trẻ Trương Ngọc Nhã T cho bà Trần Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với ông Trương Văn A cho đến khi bà Trần Thị Minh T có yêu cầu.

Ông Trương Văn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Minh T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Minh T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền

tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0081130 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Minh T và ông Trương Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (14)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Tuyền

2 000002 540205